|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH \_\_\_\_\_\_\_\_\_**  Số: /TTr-BTC | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự án Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, để triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ Dự án Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Tại Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII ngày 01/02/2021 đã nêu: “*Có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng* *dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững*”.

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã giao: “*Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật… phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới*.”

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đã xác định: “*Áp dụng chính sách thuế, hỗ trợ tài chính, tiếp cận các nguồn lực phù hợp nhằm khuyến khích nghiên cứu, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ*.”

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đề ra nhiệm vụ: “*Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo*.”

- Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII nêu: “*Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với hoạt động của đội ngũ trí thức; đổi mới công tác quản lý khoa học, công nghệ; chú trọng hỗ trợ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tiếp thu và truyền bá tri thức tiên tiến.*”

- Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN xác định nhiệm vụ, giải pháp: “*Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đầu tư, tài chính và doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ*”.

- Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định sáu nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có nhiệm vụ: “*Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ, chuẩn mực quốc tế, tạo sự đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trong tổ chức thực hiện.*”.

- Tại Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/2/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 đã yêu cầu phải rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nêu rõ: “*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế… để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; “Ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số”; “Có cơ chế hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số hiện đại, trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu… Phát triển ngành công nghiệp IoT, xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động*”. Để triển khai thực hiện, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên đã nêu: *“Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; đề cao phương pháp “quản lý theo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.”*

- Tại điểm c khoản 1 Mục III Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 đã đưa ra giải pháp về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: *“Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu để thúc đẩy xuất khẩu, khuyến khích gia tăng giá trị nội địa, hạn chế xuất khẩu tài nguyên, khoáng sản thô;...”.*

- Điểm d khoản 4 mục V Điều 1 Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng Ban hành chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn 2050: “*Thiết lập cơ chế làn xanh và các cơ chế khác để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phụ trợ, doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hoá, nguyên liệu, vật tư, linh kiện liên quan đến công nghiệp bán dẫn, thiết bị dân dụng, chuyên dụng thế hệ mới;*”*.*

- Điểm đ khoản 1 mục V Thông báo 5/TB-VPCP ngày 06/01/2025 về Kết luận của Ban Chỉ đạo quốc gia về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn giao nhiệm vụ giải pháp cho các Bộ, Ngành: *“Quyết liệt, sâu sát hơn nữa trong công tác nghiên cứu, tham mưu hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp bán dẫn; tập trung tháo gỡ các vướng mắc về thể chế để tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi, tăng sức cạnh tranh để thu hút các nhà đầu tư; cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tham gia phát triển bán dẫn.”*

- Điểm b khoản 9 mục V Thông báo số 05/TB-VPCP ngày 06/01/2025 đã giao Bộ Tài chính nhiệm vụ: “*nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá, đặc biệt là hoạt động mua bán hàng hoá giữa các doanh nghiệp chế xuất hoạt động trong nước để giảm thời gian thông quan và thủ tục tương đương với các nước trong khu vực như Malaysia, Philippines (chỉ còn 2 - 3 giờ), góp phần làm giảm chi phí logistics, cải thiện môi trường đầu tư của Việt Nam.*”

- Tại Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/1/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã giao nhiệm vụ cho các Bộ, ngành rà soát các quy định pháp luật để tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Tại các văn bản chỉ đạo nêu trên đều khẳng định giải pháp về đẩy mạnh, hoàn thiện thể chế pháp luật là một trong những giải pháp chủ chốt, được coi là “***đột phá của đột phá***”, không chỉ là động lực, công cụ quan trọng để phát triển nhanh và bền vững của đất nước mà còn để củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý xã hội của Nhà nước trong “kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Nghị quyết số 192/2025/QH15 và Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội, Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/1/2025 của Chính phủ, Bộ Tài chính đã tổ chức nghiên cứu, rà soát quy định pháp luật hiện hành về tài chính – ngân sách để xuất các chính sách đột phá, tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cũng như để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đạt mục tiêu 8%. Bên cạnh đó, trong quá trình thực thi các Luật của ngành Tài chính, Bộ Tài chính đã nhận được các ý kiến, đề nghị của cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức kiến nghị các nội dung vướng mắc, chồng chéo giữa các Luật và trong từng Luật cần phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Để hoàn thiện thể chế nhằm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cũng như thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo các chủ trương của Đảng, Nhà nước và giải quyết một số vướng mắc thực tế trong quá trình thực thi và quản lý, Bộ Tài chính đã đề xuất: **Sửa đổi, bổ sung một số điều tại 07** Luật để xây dựng dự án 01 Luật sửa 07 Luật, gồm: (1) Luật Đấu thầu; (2) Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; (3) Luật Hải quan; (4) Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (5) Luật Đầu tư; (6) Luật Đầu tư công; (7) Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Cụ thể như sau:

**2.1. Luật Đấu thầu**

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15) đã tạo dựng khung pháp lý thống nhất, đồng bộ, góp phần tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

Tuy nhiên, để bảo đảm thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương và giải pháp xác định tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, cần tiếp tục xem xét sửa đổi Luật Đấu thầu nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, đáp ứng các yêu cầu phát sinh trong thực tiễn, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa quy trình thủ tục, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu. Theo đó, cần nghiên cứu, sửa đổi các quy định:

- Về áp dụng Luật Đấu thầu đối với việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ;

- Về ưu đãi trong đấu thầu;

- Về phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu;

- Về phân cấp, phân quyền trong đấu thầu;

- Về áp dụng Luật Đấu thầu đối với doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

- Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu, gồm quy trình chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp; trách nhiệm của bên mời thầu;

- Về giải thích từ ngữ;

- Về đấu thầu trong nước, đấu thầu quốc tế;

- Về hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

- Về phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với dự án đầu tư kinh doanh;

- Về giám sát hoạt động đấu thầu.

*(Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Đấu thầu trình kèm)*

**2.2. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

Trong hơn 04 năm thực hiện Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP), có khoảng hơn 40 dự án được triển khai theo quy định của Luật này; trong đó, đã có 02 dự án đã ký kết hợp đồng; 07 dự án đang tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; 07 dự án đã phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi; 07 dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư, đang tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi; khoảng 20 dự án đang được tổ chức lập báo cáo tiền khả thi để quyết định chủ trương đầu tư. Những dự án này đều là các dự án trọng điểm của quốc gia, địa phương. Do vậy, sau khi hoàn thành, các dự án này sẽ có tác động tích cực tới hệ thống kết cấu hạ tầng của quốc gia, của vùng và của từng địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bên cạnh đó, một số địa phương đang bước đầu triển khai các dự án PPP trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, xử lý nước thải, chất thải).

Tuy nhiên, hiện nay các dự án PPP trong các lĩnh vực khác như y tế (cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng), giáo dục – đào tạo (cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo đại học), hạ tầng công nghệ thông tin chưa có dự án PPP được triển khai.

Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cho đến nay, ngoài dự án xây dựng, vận hành, quản lý Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được thực hiện trên cơ sở hợp đồng BOT giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Công ty cổ phần hệ thống thông tin FPT (được triển khai trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành) thì chưa có dự án nào khác được thực hiện theo Luật PPP. Việc thực hiện các dự án, hoạt động hợp tác công tư thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia còn rất hạn chế.

Để khơi thông nguồn lực đầu tư vào hầu hết các lĩnh vực, Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu đã bãi bỏ quy định hạn chế về lĩnh vực và quy mô vốn tối thiểu để khuyến khích đầu tư theo phương thức này trong tất cả các lĩnh vực với quy mô vốn phù hợp. Tuy nhiên, đối với dự án thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, việc thu hút nguồn vốn tư nhân theo phương thức PPP còn nhiều khó khăn, vướng mắc do một số nguyên nhân như: chưa làm rõ vai trò, sự tham gia của các bên trong quan hệ hợp tác giữa Nhà nước và nhà đầu tư trong hoạt động hợp tác công tư trong lĩnh vực này; chưa có các chính sách hỗ trợ, ưu đãi nhằm khuyến khích nhà đầu tư tư nhân tham gia thực hiện dự án/hoạt động hợp tác công tư trong lĩnh vực này; quy trình, thủ tục thực hiện dự án mặc dù đã được cải cách, nhưng vẫn cần tiếp tục đơn giản hóa, rút ngắn thời gian thực hiện để thu hút được các doanh nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; cụ thể là:

- Về quy trình dự án PPP

- Về lựa chọn nhà đầu tư

- Về các hình thức lựa chọn nhà đầu tư

- Về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

- Về nội dung hợp đồng dự án PPP

- Về các cơ chế hỗ trợ, ưu đãi, bảo đảm đầu tư của Nhà nước

*(Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư trình kèm)*

**2.3. Luật Hải quan**

Qua đánh giá thi hành pháp luật và yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội thấy rằng:

a) Hiện nay với yêu cầu cao về tốc độ phát triển, cải tiến công nghệ, các quy định về áp dụng chế độ ưu tiên đối với dự án, doanh nghiệp công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao:

Công nghiệp bán dẫn là cốt lõi của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 5, là động lực phát triển nền tảng cho các tiến bộ về khoa học, công nghệ trong thời đại mới và cũng góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng, ổn định về kinh tế chính trị trước sức ép ngày càng lớn trong cạnh tranh toàn cầu. Theo đó, hiện nay nhiều nước trong khu vực và trên thế giới đã có các chính sách thu hút nguồn lực đầu tư nước ngoài và trong nước nhằm phát triển ngành công nghiệp bán dẫn trong đó chính sách tạo thuận lợi thương mại, ưu đãi thủ tục hải quan là một phần trong đó.

Các doanh nghiệp công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn có đặc trưng là cần có phản ứng nhanh với thay đổi về công nghệ và nhu cầu thị trường, từ đó các doanh nghiệp này có đòi hỏi cao về thời gian đáp ứng nguồn cung nguyên liệu, vật tư cho sản xuất, nghiên cứu, phát triển. Thời gian thông quan, thuận lợi về thủ tục hải quan là một nhân tố đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp này. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành về chế độ ưu tiên tại Luật Hải quan:

- Chưa có quy định điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên riêng theo yêu cầu, định hướng ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao;

- Việc áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định hiện hành đòi hỏi quy mô về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu lớn chưa phù hợp với yêu cầu tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao có quy mô đa dạng từ nhỏ, vừa đến lớn; doanh nghiệp bán dẫn, công nghệ cao mới đi vào hoạt động.

- Điều kiện về tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục dẫn đến doanh nghiệp phải đợi tối thiểu 02 năm kể từ khi thành lập để đáp ứng điều kiện. Quy định này dẫn đến không đáp ứng yêu cầu tạo thuận lợi, thu hút đầu tư ngay từ đầu; chưa phù hợp với tốc độ phát triển, đổi mới nhanh của các ngành công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao.

b) Quy định hiện hành tại điểm c khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan về điều kiện được hưởng chế độ ưu tiên “... có chương trình công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp nối mạng với cơ quan hải quan” dẫn tới cách hiểu doanh nghiệp cần phải nối mạng hoàn toàn hệ thống dữ liệu nội bộ của doanh nghiệp với cơ quan hải quan, gây lo lắng cho doanh nghiệp về bảo vệ thông tin nội bộ (bí quyết công nghệ,...), tăng chi phí doanh nghiệp triển khai, quá tải cho cơ quan hải quan.

c) Tại Việt Nam hiện nay có khoảng 1.400 doanh nghiệp chế xuất, trong đó có hơn 100 doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực điện tử, công nghệ cao, chế tạo máy thuộc hầu hết các Tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới như Intel, HP, Samsung, Amkor, LG, Panasonics, Sony… Các Hiệp hội doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn đều đánh giá thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ là một chính sách hấp dẫn, thu hút mạnh mẽ các nhà đầu tư nước ngoài do chính sách này quản lý khép kín, xuyên suốt bằng các thủ tục hải quan và chế độ quản lý tương ứng, tạo thuận lợi cho sự phát triển các chuỗi cung ứng để phục vụ công nghiệp phụ trợ trong hoạt động sản xuất hàng hoá xuất khẩu.

Trung bình hàng năm (2018-2022), có khoảng 1,88 triệu tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ được đăng ký và hoàn thành thủ tục hải quan. Theo báo cáo đánh giá chỉ số chi phí tuân thủ năm 2022 (APCI 2022) của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ thì chi phí tuân thủ thực hiện một thủ tục hành chính trung bình đối với hoạt động thương mại xuyên biên giới là 3,84 triệu đồng, trong đó chi phí xuất khẩu trung bình là 2,01 triệu đồng, nhập khẩu là 6,18 triệu đồng. Thời gian trung bình để thực hiện một thủ tục về giao dịch thương mại xuyên biên giới là 14,9 giờ (đối với xuất khẩu là 13,5 giờ, nhập khẩu là 16,6 giờ), trong đó thời gian làm các thủ tục kinh doanh cảng để lấy hàng mất 7,1 giờ, chiếm 46,7% tổng thời gian.

Hiện nay, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ chưa có căn cứ pháp lý ở cấp độ Luật, nên các doanh nghiệp lựa chọn phương án xuất khẩu vào kho ngoại quan/khu phi thuế quan hoặc xuất khẩu đến các quốc gia láng giềng (như là trạm trung chuyển/Hub) sau đó nhập khẩu về Việt Nam để phù hợp với quy định của Luật Hải quan, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Thương mại. Hoạt động nêu trên sẽ phát sinh các chi phí vận chuyển đưa đi, thuê kho lưu giữ, bảo hiểm, phí vận chuyển và các chi phí khai thác tại kho bãi cảng trên mỗi lô hàng, tờ khai hải quan.

Trong khi đó, nếu được áp dụng thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ thì người mua và người bán giao nhận hàng hoá trực tiếp với nhau theo chỉ định của thương nhân nước ngoài, không mất các chi phí phát sinh trung gian nêu trên (không mất 7,1 giờ - tương đương 46,7 % thời gian làm thủ tục tại đơn vị kinh doanh cảng để lấy hàng, không mất chi phí thuê kho, thuê phương tiện vận tải đưa đi, đưa về, chi phí bảo hiểm và các chi phí quản lý phát sinh khác).

- Về phía cơ quan hải quan: Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ đã thực hiện ổn định từ năm 1998 đến nay (27 năm) và được quản lý chặt chẽ đồng thời ở cả khâu xuất khẩu tại chỗ và nhập khẩu tại chỗ (hàng hoá xuất khẩu tại chỗ được coi là hoàn thành thủ tục hải quan khi có tờ khai nhập khẩu tại chỗ đối ứng, đã thực hiện đầy đủ chính sách thuế, chính sách quản lý chuyên ngành). Tuy nhiên, quy định hiện hành có điều kiện thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thì mới được thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ; theo đánh giá từ cộng đồng doanh nghiệp và cơ quan hải quan thì thực tế xác định thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam không khải thi.

Quá trình tổng hợp ý kiến của các đơn vị về việc xây dựng chính sách, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2015/NĐ-CP, các Bộ, cơ quan quản lý nhà nước đều cho rằng nội dung xuất nhập khẩu tại chỗ quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định 08/2015/NĐ-CP là tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, tuy nhiên chưa có đủ căn cứ pháp lý vững chắc; trường hợp duy trì hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thì phải trình cấp có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung ở cấp độ Luật.

d) Về yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, cần tạo thuận lợi về thủ tục hải quan cho các doanh nghiệp, tạo tối đa điều kiện cho doanh nghiệp có ý thức tuân thủ, nhưng vẫn cần có các biện pháp quản lý hải quan để hạn chế rủi ro về vi phạm pháp luật, gian lận thương mại, bảo đảm quốc phòng – an ninh đồng thời vẫn đảm bảo thực hiện đầy đủ các cam kết trong điều ước quốc tế có liên quan.

(*Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Hải quan trình kèm*)

**2.4. Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

Ngày 06/04/2016, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/09/2016. Quá trình thực hiện Luật thuế xuât khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 giai đoạn vừa qua đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước và đạt được các yêu cầu, mục tiêu đề ra khi ban hành Luật, đảm bảo tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, khuyến khích phát triển sản xuất và xuất khẩu, bảo hộ hợp lý có điều kiện, có chọn lọc các ngành sản xuất trong nước phù hợp với tiến trình hội nhập, hạn chế gian lận thương mại, góp phần đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, do được ban hành từ năm 2016 nên chính sách ưu đãi của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu chưa bao quát đầy đủ các trường hợp cần khuyến khích theo chủ trương mới của Đảng về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong kỷ nguyên mới.

(*Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trình kèm*)

**2.5. Luật Đầu tư**

Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội thông qua vào ngày 17/6/2020 đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút nguồn lực đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài; hoàn thiện các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh, đồng thời cắt giảm một số ngành, nghề không cần thiết, bất hợp lý nhằm tiếp tục bảo đảm thực hiện đầy đủ, nhất quán quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà Luật không cấm hoặc quy định phải có điều kiện; tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo hướng tiếp tục phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng chính phủ cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với một số loại dự án nhằm tăng cường phân quyền, tinh giản quy trình, thủ tục, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án này. Đồng thời, Luật đã bổ sung thủ tục đầu tư đặc biệt đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao… tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu thực mại tự do,… theo hướng chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”. Đây là nội dung đột phá nhằm rút ngắn thời gian triển khai dự án, thể hiện cách tiếp cận mới trong xây dựng thể chế theo hướng vừa đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, để tiếp tục thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương và giải pháp xác định tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị, việc xem xét tiếp tục sửa đổi Luật Đầu tư để đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; tiếp tục tạo cơ chế vượt trội, đột phá, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững; nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư vào lĩnh vực này; đáp ứng các yêu cầu phát sinh trong thực tiễn; tiếp tục đơn giản hóa quy trình thủ tục đối với các dự án này; đồng thời, giao Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục hành chính là cần thiết và cấp bách. Theo đó, cần nghiên cứu, sửa đổi các quy định:

*- Về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư*

*+* Về ngành, nghề ưu đãi đầu tư;

+ Về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt;

- *Về đơn giản hóa thủ tục hành chính*

+ Về thủ tục đầu tư đặc biệt;

+ Thủ tục thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo;

+ Quy định tăng thời hạn hoạt động của các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu công nghiệp công nghệ cao và các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo;

*+* Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với các dự án trong lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo;

+ Về việc giao Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, nội dung, trình tự, thủ tục thẩm định chủ trương dự án đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

(*Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Đầu tư trình kèm*)

**2.6. Luật Đầu tư công**

Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XV đã tiếp tục thể chế hóa, thể hiện sâu sắc tinh thần đột phá, cải cách, phân cấp, phân quyền của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ theo phương châm thay đổi tư duy và phương thức quản lý từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, từ “quản lý” sang “quản lý cho kiến tạo phát triển” và “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, Trung ương, Quốc hội, Chính phủ giữ vai trò kiến tạo, tăng cường hoàn thiện thể chế và kiểm tra, giám sát; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ kết quả; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tránh tạo cơ chế “xin-cho”; thúc đẩy thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.…

Qua đó, góp phần tháo gỡ những điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc, khơi thông nguồn lực và nâng cao hiệu quả khai thác, quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư công đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước đến năm 2030, năm 2045 và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại.

Sau khi Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được ban hành, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 57 đòi hỏi cần sửa đổi Luật Đầu tư công theo hướng tiếp tục phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục, đẩy nhanh tiến độ các dự án, đặc biệt là các dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có yêu cầu cần thực hiện nhanh.

Trong thời gian qua đã phát sinh một số dự án đầu tư công đặc thù có yêu cầu áp dụng công nghệ cao, công nghệ mới chưa được thực hiện tại nước ta, có tổng mức đầu tư lớn, đòi hỏi phải có một số cơ chế, chính sách đặc thù để phê duyệt dự án và triển khai thực hiện (như Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam).

Bên cạnh đó, phần lớn các dự án đầu tư công đều gắn với công nghệ ở một mức độ nhất định. Khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo hiện nay đang tiến bộ rất nhanh, vòng đời công nghệ ngày càng ngắn lại. Điều này đòi hỏi các dự án đầu tư công phải triển khai và hoàn thành nhanh, tránh trường hợp dự án chưa hoàn thành đã lạc hậu về công nghệ. Việc thực hiện các dự án đặc biệt thúc đẩy tăng trưởng, mục tiêu đạt mức tăng trưởng 2 con số cũng đặt ra yêu cầu đẩy nhanh tiến độ, phân cấp, phân quyền được cụ thể hóa trong các quy định pháp luật.

Do đó, tình hình thực tiễn đặt ra yêu cầu cấp bách phải tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Đầu tư công nhằm:

- Khơi thông, bảo đảm căn cứ về nguồn vốn để thực hiện các dự án đặc biệt, nhất là các dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo đòi hỏi phải có cơ chế phê duyệt và triển khai nhanh chóng.

- Ưu tiên, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công quan trọng.

- Nâng cao tính sẵn sàng và khả năng hấp thụ vốn của các dự án, nhất là các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A có yêu cầu đặc biệt về công nghệ.

- Tăng cường chế tài xử lý, tạo kỷ luật, kỷ cương để đảm bảo tiến độ giải ngân vốn, tránh lãng phí, không phát huy được tối đa nguồn lực.

- Quy định khung để xử lý chung về việc sắp xếp đơn vị hành chính 02 cấp.

(*Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Đầu tư công trình kèm*)

**2.7. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công**

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, hiện nay, Bộ Tài chính đang rà soát các Luật trong lĩnh vực tài chính có liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và nghiên cứu 01 Luật sửa các Luật để phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW; trong đó có Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, cụ thể: tại Điều 105 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018) có quy định về việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông 3 qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước (tài sản này bao gồm: (i) Tài sản của Luật Sở hữu trí tuệ; (ii) Tài sản của Luật Khoa học và Công nghệ).

Tuy nhiên, đến nay đã có một số thay đổi trong quy định về việc xử lý đối với tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước như sau:

- Đối với nhóm (i) Tài sản thuộc phạm vi của Luật Sở hữu trí tuệ: Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Sở hữu trí tuệ (Luật số 07/2022/QH15) được Quốc hội thông qua vào ngày 16/6/2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/1/2023. Theo đó, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Sở hữu trí tuệ đã bổ sung quy định về trao quyền đăng kí sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức chủ trì một cách tự động và không bồi hoàn (Điều 86a), đồng thời sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 105 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số Điều theo Luật số 64/2020/QH14 như sau*: “a) Giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ để phát huy kết quả của nhiệm vụ hoặc sử dụng tài sản để thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ; trừ trường hợp kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ là sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng thì việc giao quyền được thực hiện theo Luật Sở hữu trí tuệ”;*

- Đối với nhóm (ii) Tài sản thuộc phạm vi của Luật Khoa học và Công nghệ: Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì xây dưng trình Quốc hội ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội theo tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW là tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội đã đáp ứng được các nội dung và yêu cầu của ngành khoa học công nghệ về quản lý, sử dụng tài sản hình thành thông qua việc triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, cụ thể: (i) Tài sản trang bị: Sau khi hoàn thành mục đích sử dụng thì được xác định là tài sản Nhà nước giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng mà không cần thực hiện thủ tục giao quyền sử dụng và bàn giao tài sản; (ii) Tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước: Tổ chức chủ trì có quyền quản lý, sử dụng; có quyền sở hữu quyền tài sản đối với kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ và không cần thực hiện thủ tục hành chính về giao quyền quản lý, sử dụng (không cần thực hiện thủ tục giao tài sản, không phải xác định nguyên giá, giá trị còn lại của kết quả...)

- Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 17 Nghị quyết đã quy định xử lý chuyển tiếp đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt nhiệm vụ trong khoảng từ ngày 01/01/2018 đến trước ngày Nghị quyết có hiệu lực nhưng cơ quan, người có thẩm quyền chưa ban hành quyết định xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; cụ thể: (i) Đối với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là cơ quan, tổ chức, đơn vị (cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sử nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp) thì được áp dụng Nghị quyết này để xử lý tài sản; (ii) Đối với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngoài đối tượng tại điểm (i) thì thực hiện xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Do đó, tại thời điểm này, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội đã giải quyết vướng mắc tại Điều 105 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Vì vậy, việc quản lý, xử lý đối với nhóm tài sản này thực hiện theo Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị định quy định chi tiết và hướng Nghị quyết số 193/2025/QH15 (do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng) mà không áp dụng quy định tại Điều 105 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Tuy nhiên, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội là cơ chế thí điểm có tính chất đột phá để đáp ứng yêu cầu đổi mới, sáng tạo, đột phá phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số quốc gia; do đó, để đảm bảo tính ổn định của chính sách pháp luật về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số quốc gia, đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý, sử dụng tài sản công cho phù hợp với tinh thần của Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/11/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội. Hiện nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đang xây dựng trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; trong đó, có quy định quản lý, sử dụng tài sản hình thành thông qua triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

(*Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công trình kèm*)

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG**

**1. Mục đích ban hành văn bản**

- Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước.

- Đẩy mạnh hỗ trợ, phân cấp, phân quyền và cải cách thủ tục hành chính về tài chính – ngân sách, khơi thông, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**2. Quan điểm xây dựngvăn bản**

a) Đảm bảo thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng đã được xác định trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về các chính sách tài chính để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

b) Luật hoá những vấn đề đã rõ, đã được thực tế kiểm nghiệm là phù hợp; rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để khắc phục được khó khăn, vướng mắc phát sinh đang gặp phải.

c) Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các quy định của pháp luật.

d) Kế thừa và phát huy những quy định hiện hành đã được thực tiễn chứng minh đem lại các tác động tích cực đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; những nội dung cần sửa đổi, bổ sung phải có quy định rõ ràng, minh bạch, có đánh giá tác động cụ thể.

đ) Đảm bảo mục tiêu hội nhập quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển.

e) Sửa đổi, bổ sung một số quy định còn mâu thuẫn, đang gây khó khăn, vướng mắc, yêu cầu cấp bách cần sửa đổi để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của 07 Luật hiện hành, gồm: (1) Luật Đấu thầu; (2) Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; (3) Luật Hải quan; (4) Luật Thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (5) Luật Đầu tư; (6) Luật Đầu tư công; (7) Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

**IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

Ngày 24/3/2025, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 90/TTr-BTC trình Chính phủ về đề xuất xây dựng Dự án Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để đăng ký bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2025, với tiến độ trình Quốc hội kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025) theo trình tự, thủ tục rút gọn. Theo đó, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 2661/VPCP-KTTH ngày 31/3/2025 thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc giao Bộ Tư pháp chủ trì, khẩn trương phối hợp với Bộ Tài chính để thực hiện các trình tự, thủ tục bổ sung vào Chương trình xây dựng lập pháp năm 2025.

Ngày .../.../..., Bộ Tài chính đã có công văn gửi lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương theo trình tự, thủ tục rút gọn. Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã có công văn gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Ngày .../.../..., dự thảo hồ sơ Luật đã được Hội đồng thẩm định do Bộ Tư pháp thành lập tiến hành thẩm định và có Báo cáo thẩm định. Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, chỉnh lý dự thảo Luật và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

**V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT**

**1. Bố cục:**

Dự thảo Luật bao gồm 8 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu.

- Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan.

- Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư.

- Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công.

- Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Điều 8. Tổ chức thực hiện.

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản**

***2.1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu (Điều 1 dự thảo Luật)***

*a) Chính sách nhằm tạo cơ chế linh hoạt, ưu đãi trong đấu thầu nhằm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số*

- Về áp dụng Luật Đấu thầu đối với việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ

Bổ sung điểm h và điểm i vào sau điểm g khoản 7 Điều 3 về nguyên tắc áp dụng Luật Đấu thầu đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ thực hiện theo phương thức khoán chi sử dụng ngân sách nhà nước, mua gom trực tiếp hàng hóa, dịch vụ từ hộ gia đình, cá nhân trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp thì tổ chức, cá nhân được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu.

- Về ưu đãi trong đấu thầu

+ Sửa đổi, bổ sung điểm g, bổ sung điểm i vào sau điểm h khoản 1 Điều 10 để quy định sản phẩm đổi mới sáng tạo, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng tiêu chí sản xuất trong nước theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, nhà thầu là trung tâm đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm nghiên cứu và phát triển; doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ số thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu;

+ Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 10 để quy định các đối tượng được hưởng ưu đãi được “ưu tiên trong đánh giá về tư cách hợp lệ” trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu.

+ Bổ sung điểm g khoản 3 Điều 10 nguyên tắc áp dụng ưu đãi đối với sản phẩm đổi mới sáng tạo xuất xứ Việt Nam; sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng tiêu chí sản xuất trong nước;

+ Bổ sung điểm c khoản 4 Điều 10 quy định nhà đầu tư là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp sở hữu hoặc có bản quyền công nghệ chiến lược thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư;

+ Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 Điêu 10 quy định ưu tiên trong đánh giá về năng lực, kinh nghiệm đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp sở hữu hoặc có bản quyền công nghệ chiến lược.

- Về phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, một giai đoạn hai túi hồ sơ và phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

+ Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 1 Điều 30, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 31 theo hướng cho phép gói thầu trong lĩnh vực công nghệ, viễn thông, gói thầu có nội dung thuộc danh mục công nghệ chiến lược đấu thầu rộng rãi được chọn áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ hoặc một giai đoạn hai túi hồ sơ;

+ Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 58 theo hướng cho phép gói thầu trong lĩnh vực công nghệ, viễn thông, gói thầu có nội dung thuộc danh mục công nghệ chiến lược áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được sử dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.

- Về đấu thầu trong nước, đấu thầu quốc tế

+ Bổ sung khoản 3 Điều 11 để làm rõ đối với dự án đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, người có thẩm quyền quyết định áp dụng đấu thầu trong nước hoặc đấu thầu quốc tế để lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp áp dụng đấu thầu trong nước, nhà đầu tư trong nước được liên danh với nhà đầu tư nước ngoài hoặc sử dụng đối tác là nhà thầu nước ngoài để tham dự thầu; nhà đầu tư trong nước phải là thành viên đứng đầu liên danh.

+ Bổ sung khoản 4 Điều 11 quy định cho phép nhà thầu trong nước liên danh với nhà thầu được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài để tham dự thầu đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tổ chức đấu thầu trong nước.

*b) Chính sách nhằm cắt giảm, đơn giản hóa quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong đấu thầu*

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 43 để bỏ thủ tục “*thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu*” đối với gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh và mua sắm trực tiếp.

- Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản tại các Điều 4, 14, 78, 79, 80 để bãi bỏ vai trò của bên mời thầu trong lựa chọn nhà thầu, đồng thời chuyển giao nhiệm vụ của bên mời thầu cho tổ chuyên gia, chủ đầu tư. Đồng thời, bỏ cụm từ “bên mời thầu”; thay thế cụm từ “bên mời thầu” bằng các cụm từ khác như “tổ chuyên gia”, “chủ đầu tư, bên mời thầu”, “bên mời thầu, tổ chuyên gia”, “tổ chuyên gia” tại các điều 4, 6, 8, 9, 14, 15, 16, 32, 33, 43, 51, 55, 77, 80, 81, 82 để phù hợp với định hướng sửa đổi.

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 6 để cho phép đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn và các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý được tham dự thầu các gói thầu của nhau.

- Sửa đổi, bổ sung khái niệm “dịch vụ tư vấn” và “dự án đầu tư” tại khoản 4, 6 Điều 4.

- Về chỉ định thầu và chào hàng cạnh tranh: Sửa đổi, bổ sung Điều 23, 24 theo hướng Luật chỉ quy định nguyên tắc và giao Chính phủ quy định chi tiết về chỉ định thầu và chào hàng cạnh tranh. Đồng thời, bổ sung nguyên tắc thương thảo về giá trong chỉ định thầu theo hướng “*trong quá trình thương thảo hợp đồng chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế.”.*

Đồng thời, chỉnh lý kỹ thuật các nội dung tương ứng tại khoản 2 Điều 43, khoản 2 Điều 44, điểm d khoản 1 Điều 45, điểm c khoản 2 Điều 68 để bảo đảm tính phù hợp, thống nhất trong dự thảo Luật.

- Về mua sắm tập trung:Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 53 theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu áp dụng mua sắm tập trung.

- Về hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

+ Bổ sung khoản 2a Điều 34 để bổ sung trường hợp chỉ định nhà đầu tư đối với dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia mà nhà đầu tư đề xuất dự án là doanh nghiệp sở hữu, có bản quyền công nghệ chiến lược; dự án cần tiếp tục lựa chọn doanh nghiệp trước đó đã triển khai hạ tầng, nền tảng số nhằm bảo đảm đồng bộ, kết nối hạ tầng, nền tảng số.

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 34a để bổ sung trường hợp dự án đầu tư kinh doanh nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.

Đồng thời, sửa đổi về thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt để phân cấp cho các Bộ, ngành, địa phương.

+ Bổ sung yếu tố “lợi ích quốc gia, yêu cầu đặc thù về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” tại khoản 1 Điều 29 là một trong các điều kiện đặc thù để áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

- Về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với dự án đầu tư kinh doanh

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 và bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 62 theo hướng: (i) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhà đầu tư không cần chứng minh khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu và được sử dụng dự án, công trình do mình trực tiếp thực hiện mà công nghệ đã được đưa vào vận hành thử nghiệm thành công để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án đầu tư kinh doanh tương tự khi tham gia đấu thầu; (ii) Đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư cho nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu chỉ gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và được xây dựng theo phương pháp đạt, không đạt.

- Về giám sát hoạt động đấu thầu: bổ sung quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 86 về giám sát hoạt động đấu thầu đối với “gói thầu, dự án áp dụng hình thức chỉ định thầu và lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt”.

- Về xét duyệt trúng thầu đối với gói thầu xây lắp: bổ sung tại điểm e khoản 1 Điều 61 quy định về điều kiện xét duyệt trúng thầu gói thầu xây lắp theo hướng giá đề nghị trúng thầu không được thấp hơn giá gói thầu theo tỷ lệ Chính phủ quy định.

*c) Chính sách nhằm nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (trong đó có doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ) khi thực hiện hoạt động đấu thầu không sử dụng ngân sách nhà nước*

- Sửa đổi khoản 2 Điều 2 theo hướng áp dụng Luật Đấu thầu đối với dự án đầu tư *công sử dụng từ 50% vốn đầu tư công trở lên trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư*  của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Đồng thời, bỏ điểm b khoản 2 Điều 2 quy định về hoạt động lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật, máy móc, thiết bị hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước;

- Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 3 về nguyên tắc áp dụng Luật Đấu thầu theo hướng: Việc lựa chọn nhà thầu của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, mua sắm thường xuyên, *thực hiện gói thầu thuộc dự án đầu tư và dự án đầu tư công* *sử dụng dưới 50% vốn đầu tư công trong tổng mức đầu tư của dự án* và việc lựa chọn nhà thầu của đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1, nhóm 2 không sử dụng ngân sách nhà nước thì doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu.

***2.2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Điều 2 dự thảo Luật)***

*a) Về việc đơn giản hóa quy trình thực hiện dự án PPP (các Điều 6, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 21 và 44)*

- Bãi bỏ Điều 6 về Hội đồng thẩm định để bãi bỏ thủ tục thành lập Hội đồng thẩm định đối với một số nhóm dự án; đồng thời lồng ghép việc thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành tại Điều 13 về trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

+ Giản lược quy trình thực hiện dự án PPP quan trọng quốc gia, nhóm A – quy trình chung

+ Cho phép dự án nhóm B và nhóm C chỉ cần lập báo cáo nghiên cứu khả thi để trình đồng thời cả 02 bước quyết định chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án, trường hợp dự án không sử dụng vốn đầu tư công thì không cần thực hiện bước quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP hoặc lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư để quyết định chủ trương đầu tư thay cho báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

+ Bổ sung nhóm dự án có mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia quy trình tương tự dự án PPP ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ

+ Bổ sung quy định trường hợp nhà đầu tư sở hữu công nghệ chiến lược thuộc danh mục do Bộ KHCN công bố và có văn bản đề xuất thực hiện dự án PPP, nhà đầu tư được giao quyền lập báo cáo nghiên cứu khả thi để trình phê duyệt dự án, không yêu cầu lập chủ trương đầu tư, được lựa chọn là nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức chỉ định.

- Sửa đổi Điều 12, 14, 15, 16 và 21 để giản lược quy trình quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP như sau:

+ Sửa đổi Điều 12 để cho phép Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đồng thời phê duyệt dự án đối với dự án PPP có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

+ Sửa đổi Điều 14 để bổ sung nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư áp dụng đối với dự án PPP có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công với nội dung giản lược hơn so với báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

+ Sửa đổi Điều 15 để đơn giản hóa nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

+ Sửa đổi Điều 16 để bổ sung thành phần hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư tương ứng với từng nhóm dự án.

+ Sửa đổi Điều 21 để phân cấp cho Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án PPP do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư và dự án PPP thuộc phạm vi quản lý trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, dự án PPP ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

- Sửa đổi Điều 44 để bổ sung trường hợp không bắt buộc nhà đầu tư thành lập doanh nghiệp dự án PPP, cụ thể là nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước, nhà đầu tư là cá nhân hoặc nhà đầu tư liên danh có cá nhân tham gia góp vốn chủ sở hữu, dự án áp dụng loại hợp đồng BT và dự án có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công để cắt giảm thủ tục.

*b) Về lựa chọn nhà đầu tư trong nước, lựa chọn nhà đầu tư quốc tế (Điều 31)*

Sửa đổi khoản 3 Điều 31 để làm rõ các trường hợp áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong nước nhắm rút ngắn thời gian lựa chọn nhà đầu tư (đặc biệt là các dự án nhóm B, nhóm C). Đồng thời, bổ sung khoản 4 Điều 31 để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định áp dụng đấu thầu trong nước hoặc đấu thầu quốc tế để lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án PPP thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; trường hợp áp dụng đấu thầu trong nước, nhà đầu tư trong nước được liên danh với nhà đầu tư nước ngoài hoặc sử dụng đối tác là nhà thầu nước ngoài để tham dự thầu. Nhà đầu tư độc lập hoặc nhà đầu tư liên danh sở hữu công nghệ chiến lược được hưởng ưu đãi trong đấu thầu.

*c) Về hình thức lựa chọn nhà đầu tư (Điều 39, 40)*

- Sửa đổi Điều 39 để bổ sung trường hợp chỉ định nhà đầu tư đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất mà nhà đầu tư đó là doanh nghiệp sở hữu, có bản quyền công nghệ chiến lược; dự án cần tiếp tục lựa chọn doanh nghiệp trước đó đã triển khai hạ tầng, nền tảng số nhằm bảo đảm đồng bộ, kết nối hạ tầng, nền tảng số.

- Sửa đổi Điều 40 để áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với dự án PPP có một hoặc một số yêu cầu, điều kiện đặc thù về thủ tục đầu tư; về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; thủ tục, phương pháp, tiêu chuẩn lựa chọn nhà đầu tư và nội dung hợp đồng dự án PPP hoặc có yêu cầu bảo đảm lợi ích quốc gia, thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại các Điều 37, 38 và 39 của Luật PPP.

- Sửa đổi quy định về thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư (tại khoản 2 Điều 39) và hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (tại khoản 2 Điều 40) để phân cấp cho các Bộ, ngành, địa phương.

*d) Về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu (Điều 41, 42)*

Sửa đổi Điều 41 và Điều 42 của Luật PPP theo hướng:

- Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhà đầu tư không cần chứng minh khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu và được sử dụng dự án, công trình do mình trực tiếp thực hiện mà công nghệ đã được đưa vào vận hành thử nghiệm thành công để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự khi tham dự sơ tuyển, tham dự thầu.

- Đối với dự án áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư cho nhà đầu tư đề xuất dự án, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và tiêu chuẩn đánh giá về tài chính – thương mại và được xây dựng theo phương pháp đạt, không đạt.

*đ) Về nội dung hợp đồng dự án PPP (Điều 47)*

Sửa đổi khoản 1 Điều 47 để bổ sung các nội dung về trách nhiệm của các bên trong việc nghiên cứu, phát triển công nghệ; thương mại hóa sản phẩm được tạo ra từ công nghệ; bản quyền, quyền sở hữu công nghệ; trách nhiệm đào tạo nguồn nhân lực số, chuyển giao công nghệ cho các cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ công lập… trong nội dung hợp đồng dự án PPP, bảo đảm phù hợp với dự án thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

*e) Về các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi, bảo đảm đầu tư của Nhà nước*

- Sửa đổi Điều 3 Luật PPP để bổ sung chính sách mới cho phép cá nhân (giáo sư sở hữu công nghệ, ý tưởng khoa học được đăng ký sở hữu trí tuệ) mong muốn hợp tác với Nhà nước để thương mại hóa sản phẩm công nghệ của mình nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ công có thể tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP trong lĩnh vực khoa học, công nghệ.

- Bãi bỏ khoản 4 Điều 45 để cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT đối với công trình, cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các công trình cơ sở hạ tầng khác mà Nhà nước đã đầu tư nay cần cải tạo, nâng cấp, mở rộng.

- Sửa đổi Điều 52 Luật PPP để bổ sung trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn đối với sản phẩm khoa học, công nghệ do doanh nghiệp dự án PPP tạo ra nhưng thương mại hoá không hiệu quả; cho phép cơ quan nhà nước được chi trả chi phí bồi thường trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn gồm toàn bộ kinh phí đầu tư, xây dựng cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án.

- Sửa đổi Điều 76 Luật PPP để bổ sung quy định về huy động vốn thực hiện dự án PPP, cho phép nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được huy động vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB) để thực hiện dự án PPP thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Sửa đổi Điều 81 Luật PPP để quy định về bảo đảm cân đối ngoại tệ đối với dự án PPP khoa học công nghệ có sự tham gia đầu tư của doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp nước ngoài sở hữu công nghệ chiến lược theo danh mục do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố theo hướng tăng tỷ lệ (hiện hành là 30%) lên 100% tương ứng với các thời điểm 03 năm sau thời điểm vận hành, kinh doanh; 50% tương ứng với thời điểm từ 03 đến 05 năm sau thời điểm vận hành, kinh doanh và 30% đối với thời gian còn lại của hợp đồng dự án.

- Sửa đổi Điều 82 Luật PPP để bổ sung quy định về cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu dự án PPP thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo hướng:

+ Không yêu cầu nhà đầu tư chia sẻ phần tăng doanh thu trong 03 năm đầu sau thời điểm vận hành, kinh doanh;

+ Trong 03 năm đầu sau thời điểm vận hành, kinh doanh, cho phép áp dụng mức chia sẻ 100% phần chênh lệch giảm giữa doanh thu thực tế và doanh thu trong phương án tài chính khi doanh thu thực tế thấp hơn 75% mức doanh thu trong phương án tài chính.

***2.3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan (Điều 3 dự thảo Luật)***

*a) Sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện áp dụng và chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp công nghiệp bán dẫn, doanh nghiệp công nghệ cao*

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 42 Luật Hải quan về điều kiện chế độ ưu tiên theo hướng: Bổ sung quy định về điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp công nghiệp bán dẫn, doanh nghiệp công nghệ cao theo hướng không áp dụng các điều kiện ưu tiên (điều kiện về: Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục; Có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm đạt mức quy định).

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 43 Luật Hải quan về chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp công nghiệp bán dẫn, doanh nghiệp công nghệ cao, theo hướng: chế độ ưu tiên được áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Khoản này có mã số thống nhất với mã số thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Theo pháp luật về hải quan và pháp luật quản lý thuế, chế độ ưu tiên doanh nghiệp được hưởng gồm: miễn kiểm tra hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa trong quá trình làm thủ tục hải quan, thực hiện thủ tục hải quan bằng tờ khai chưa hoàn chỉnh, miễn kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan, được hoàn thuế trước kiểm tra sau,….

*b) Bổ sung quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ.*

Bổ sung Điều 47a vào Luật Hải quan quy định về kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ theo hướng Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hoá giao, nhận tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài theo hợp đồng mua bán, gia công, thuê mượn giữa các doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

***2.4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (Điều 4 dự thảo Luật)***

Để ưu đãi vượt bậc cho các dự án đầu tư, hoạt động, tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, dự kiến sửa đổi, bổ sung ưu đãi thuế nhập khẩu tại khoản 21 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu như sau:

(1) Mở rộng quy định miễn thuế nhập khẩu (tại khoản 21 Điều 16) đối với hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng *(kể cả loại trong nước đã sản xuất được)*, tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho khoa học, công nghệ, *đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số*.

(2) Bổ sung quy định miễn thuế nhập khẩu (tại khoản 11 Điều 16) đối với *hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số*. (*Dự án đầu tư bao gồm dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định quy định tại điểm này là hàng hóa được quy định tại điểm a, b và c khoản 11 Điều 16)*

(3) Mở rộng quy định miễn thuế nhập khẩu (tại khoản 13 Điều 16) đối với *nguyên liệu, vật tư, linh kiện (bao gồm cả loại trong nước đã sản xuất được) nhập khẩu để sản xuất của tổ chức khoa học, công nghệ, tổ chức đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất)*.

Nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

*“21.* ***Hàng hóa nhập khẩu để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bao gồm:***

*a) Hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho khoa học,* ***đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.***

***b) Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Dự án đầu tư quy định tại điểm này bao gồm dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định quy định tại điểm này là hàng hóa được quy định tại điểm a, b và c khoản 11 Điều này.***

***c) Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất của tổ chức khoa học, công nghệ, tổ chức đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.”***

***2.5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư (Điều 5 dự thảo Luật)***

*a)* *Về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư*

Với mục tiêu khuyến khích, phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo; tăng cường đầu tư bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; tiếp tục tạo cơ chế đột phá, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững; nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư vào lĩnh vực này, sửa đổi Điều 5 như sau:

- Bổ sung điểm a1 và a2 vào sau điểm a khoản 1 Điều 16 như sau: *(a1) Đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động 5G, 6G và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; (a2) Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

- Sửa đổi, bổ sung điểm a và bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 2 Điều 20 như sau:

*“a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, bao gồm: các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển;* ***dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động 5G, 6G và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; dự án sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;”.***

***“a1)*** *Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;”.**[[1]](#footnote-3)*

*b) Về đơn giản hóa thủ tục hành chính*

Với mục tiêu đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ đầu tư của các dự án trong các lĩnh vực công nghệ cao và yêu cầu phải có cơ chế, chính sách hỗ trợ vượt trội đối với các nhà đầu tư nước ngoài đối với các dự án đầu tư được bổ sung vào diện hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt nêu trênvà yêu cầu *luật chỉ quy định những vấn đề khung, có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền Quốc hội, còn những vấn đề về hồ sơ, trình tự, thủ tục thì giao Chính phủ quy định chi tiết theo đúng* Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính, Điều 5 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư như sau:

(1) Bổ sung khoản 1 Điều 36a, khoản 1 Điều 22 và Điều 44 Luật Đầu tư theo hướng: (i) các dự án này sẽ được thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt; (ii) không yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập tổ chức kinh tế; (iii) bổ sung quy định để tăng thời hạn hoạt động của các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung và các dự án đầu tư được bổ sung vào diện hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt nêu trênnhư sau:

+ Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư theo hướng: *“d) Nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Luật này.”.*

+ Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 1 Điều 36a như sau:

*“c) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động 5G, 6G và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; dự án sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;”.*

+ Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 và sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 44 như sau:

*“1a. Thời hạn hoạt động của các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu sau đây không quá 70 năm:*

*a) Khu công nghệ cao;*

*b) Khu công nghiệp công nghệ cao;*

*c) Khu công nghệ số tập trung;”.*

*“2. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư ngoài khu kinh tế không quá 50 năm. Dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc dự án đầu tư có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm;* ***dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Luật này*** *thì thời hạn hoạt động của dự án đầu tư có thể dài hơn nhưng không quá 70 năm.”.*

(2) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 29 như sau:*“c) Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung;”*

(3) Sửa đổi, bổ sung các Điều 33, 34, 35, 36, 36a, 38 Luật Đầu tư theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, nội dung, trình tự, thủ tục thẩm định chủ trương dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, thủ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư như sau:

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

***“Điều 33. Hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư***

*Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư.”.*

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

*“****Điều 34. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội***

*1. Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước để tổ chức thẩm định dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội theo quy định tại Điều 30 Luật này.*

*2. Nội dung thẩm tra đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm:*

*a) Việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội;*

*b) Sự cần thiết thực hiện dự án đầu tư;*

*c) Sự phù hợp của dự án đầu tư với chiến lược, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có) có liên quan;*

*d) Mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án đầu tư, nhu cầu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường;*

*đ) Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn;*

*e) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững của dự án đầu tư;*

*g) Cơ chế, chính sách đặc biệt, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).*

*3. Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về chấp thuận chủ trương đầu tư gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật này.*

*4. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư do Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư và trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước.”.*

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

*“****Điều 35. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ***

*1. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.*

*2. Đối với dự án đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật này, Thủ tướng Chính phủ chỉ định cơ quan đăng ký đầu tư của một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho toàn bộ dự án.”.*

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

***“Điều 36. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh***

*Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.”.*

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

***“Điều 38. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư***

*Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.”.*

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 36a như sau:

*“12. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án theo thủ tục đặc biệt và các quy định tại Điều này.”.*

+ Bãi bỏ các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 36a.

+ Bổ sung khoản 2 Điều 8 về Điều khoản thi hành của Luật này như sau:

*“2. Bãi bỏ điểm b khoản 3 Điều 33 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 43/2024/QH15.”.*

***2.6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công (Điều 6 dự thảo Luật)***

*a) Bổ sung một số khái niệm, quy định nhằm đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị và thực hiện, tăng tính sẵn sàng của dự án*

- Về dự án đầu tư công đặc biệt (các điều 4, 19, 45a, 54, 55, 56) là dự án thực hiện theo thông báo, kết luận, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, không phải quyết định chủ trương đầu tư và được ưu tiên bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Cụ thể:

+ Bổ sung tại Điều 4 khái niệm *“dự án đầu tư công đặc biệt”* là các dự án thực hiện theo thông báo, kết luận, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị.

+ Bổ sung tại Điều 19 *“dự án đầu tư công đặc biệt”* là một trong số các trường hợp nhiệm vụ, dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư.

+ Bổ sung Điều 45a để quy định trình tự, tủ tục quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công đặc biệt.

+ Bổ sung tại Điều 54 *“dự án đầu tư công đặc biệt”* được ưu tiên bố trí vốn đầu tư công.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 55 và Điều 56 trường hợp *“dự án đầu tư công đặc biệt”* là một trong số các điều kiện để bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Trong thời gian qua, có một số dự án được thực hiện theo các thông báo kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, là các dự án mang tính chất rất quan trọng, đòi hỏi phải có các trình tự, thủ tục rút gọn để bảo đảm yêu cầu thực hiện. Tuy nhiên, Luật Đầu tư công đang chưa có quy định cụ thể cho nhóm dự án này, dẫn đến việc thực hiện chủ yếu đang theo các Nghị quyết đặc thù của Quốc hội. Quy định này sẽ giúp đẩy nhanh quá trình triển khai thực hiện, sớm hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng đối với một số dự án đặc thù, có ý kiến chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị.

- Về bổ sung khái niệm nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng (các điều 4, 16, 19, 44a, 54, 56, 58) là nhiệm vụ nhằm đo đạc, kiểm đếm, xác định nguồn gốc đất, hiện trạng, được bố trí vốn thực hiện mà không cần phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

+ Bổ sung tại Điều 4 khái niệm *“nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng”* là nhiệm vụ nhằm đo đạc, kiểm đếm, xác định nguồn gốc đất, hiện trạng. Nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng được thực hiện mà không cần phê duyệt chủ trương đầu tư dự án và được ưu tiên bố trí vốn đầu tư công.

+ Bổ sung tại Điều 16 để quy định chi phí thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng được sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác và thực hiện quyết toán trong giá trị tổng mức đầu tư của dự án.

+ Bổ sung tại Điều 19 *“nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng”* là một trong số các trường hợp nhiệm vụ, dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư.

+ Bổ sung Điều 44a để quy định trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng nhằm tạo căn cứ để thực hiện.

+ Bổ sung tại Điều 54 *“nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng”* trongưu tiên bố trí vốn đầu tư công.

+ Bổ sung tại Điều 56 để cho phép bố trí vốn kế hoạch hằng năm cho nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng, không cần chờ đến khi phê duyệt quyết định đầu tư mới bố trí vốn.

+ Bổ sung tại Điều 58 để quy định vốn bố trí thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng để đo đạc, kiểm đếm, xác định nguồn gốc đất và hiện trạng sử dụng đất.

Quy định này giúp sớm bố trí vốn để thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm, xác định nguồn gốc đất và hiện trạng sử dụng đất, trên cơ sở đó sớm ghi nhận, xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tránh việc thay đổi hiện trạng sử dụng đất. Trên cơ sở đó giúp cấp có thẩm quyền chủ động hơn về việc bố trí nguồn lực cho từng giai đoạn của dự án. Đồng thời giúp tối ưu hoá việc bố trí nguồn lực cho công tác xây lắp, mua sắm của dự án. Điều này giúp sớm có mặt bằng để triển khai ngay việc mua sắm trang thiết bị, chuyển giao công nghệ… để tránh lỗi thời hoặc phải điều chỉnh dự án để bắt kịp với tiến bộ của khoa học công nghệ.

*b) Đề xuất chính sách nhằm đơn giản hoá, thúc đẩy việc phê duyệt, tăng tính sẵn sàng và khả năng hấp thụ vốn của dự án*

- Về thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn (các điều 36, 36a) bổ sung căn cứ cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chủ động thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, không cần chờ đến khi có thông báo của Thủ tướng Chính phủ.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 36 việc không phải thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công đặc biệt.

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 36a căn cứ hạn mức vốn (200% tổng số vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn hiện tại của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo từng nguồn vốn) nhằm tạo căn cứ pháp lý cho các bộ, cơ quan, địa phương thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, tăng tính sẵn sàng và chất lượng chuẩn bị đầu tư (không phải chờ đến khi có thông báo vốn của Thủ tướng Chính phủ mới phê duyệt).

Quy định này giúp tăng tính chủ động, sẵn sàng về nguồn lực để phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, đặc biệt là các dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số có thể phát sinh nhu cầu đầu tư ngay trong quá trình triển khai kế hoạch trung hạn.

- Về đơn giản hoá trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (các điều 17, 37), quy định không phải điều chỉnh chủ trương đầu tư trong các trường hợp: (i) Tăng tổng mức đầu tư nhưng không tăng mức vốn đầu tư công; (ii) Tăng mức vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên (NSTW và NSĐP).

Sửa đổi Điều 17 và Điều 37 theo hướng trường hợp phát sinh thay đổi dẫn đến tăng số vốn đầu tư công tại quyết định chủ trương đầu tư dự án mới phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án. Trường hợp tăng tổng mức đầu tư dự án từ các nguồn vốn huy động hợp pháp khác, không cần điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

Quy định này sẽ giúp cắt giảm, đơn giản hóa trình tự, thủ tục, giảm bớt các trường hợp phải thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Về đề xuất dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài (các điều 4, 58, 63, 66).

***Phương án 1: Bỏ đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, cụ thể:*** Bãi bỏ khoản 17 Điều 4, khoản 1 Điều 58, Điều 63, điểm a khoản 1 Điều 66. Đồng thời, bổ sung quy định để bãi bỏ khoản 6 Điều 14, khoản 1, 2, 3, 4 Điều 29 của Luật Quản lý nợ công.

Hiện nay, so với chương trình, dự án sử dụng vốn trong nước phải trải qua 02 bước chuẩn bị đầu tư trước khi thực hiện, chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài phải trải qua 03 bước, bao gồm cả bước đề xuất chương trình, dự án, dẫn đến việc thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài thường mất nhiều thời gian hơn so với dự án sử dụng vốn trong nước. Trong khi đó, đây là các dự án sử dụng nguồn vốn vay với nhiều điều kiện ràng buộc về lãi suất, thời gian giải ngân…có yêu cầu đẩy nhanh tiến độ hơn so với các dự án sử dụng vốn trong nước. Do đó, có thể nghiên cứu việc bỏ đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài nhằm rút ngắn các trình tự, thủ tục sử dụng nguồn vốn này tương tự như các dự án sử dụng vốn trong nước, qua đó tăng tỷ lệ giải ngân và cải thiện hiệu quả sử dụng nguồn vốn này.

***Phương án 2: Giữ đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài như hiện hành.***

- Về đẩy nhanh quá trình thẩm định, phê duyệt dự án (các điều 20, 22, 23, 40, 41, 43): Bổ sung quy định: (i) cho phép thành lập hội đồng thẩm định đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi của chương trình, dự án; (ii) Thủ tướng Chính phủ có thể giao Bộ, cơ quan ngang bộ thành lập hội đồng thẩm định, không cố định là Bộ Tài chính; (iii) Bỏ nội dung về phương án lựa chọn công nghệ chính trong nội dung thẩm định chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; (iv) Đơn giản hóa trình tự, thủ tục quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia.

+ Sửa đổi các điều 20, 23, 40, 43 theo hướng quy định rõ cho phép thành lập hội đồng thẩm định chương trình, dự án đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi của chương trình, dự án, tạo điều kiện để thực hiện ngay một số trình tự, thủ tục cần thiết (như thuê tư vấn), không cần phải chờ đến khi hoàn thiện hồ sơ thẩm định mới thành lập hội đồng.

+ Sửa đổi các điều 20, 23, 40, 41, 43 theo hướng Thủ tướng Chính phủ có thể giao Bộ, cơ quan ngang bộ thành lập hội đồng thẩm định chương trình, dự án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, ngành, lĩnh vực của chương trình, dự án, không giao cố định cho Bộ Tài chính.

+ Sửa đổi Điều 22 theo hướng bỏ nội dung về phương án lựa chọn công nghệ chính trong nội dung thẩm định chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia để tạo căn cứ pháp lý thực hiện trong trường hợp chương trình, dự án sử dụng các công nghệ mới, hiện đại, chưa được áp dụng trong các chương trình, dự án trước đây nên khó có thể xác định, lựa chọn ngay tại bước đề xuất chủ trương dự án.

+ Sửa đổi Điều 43 nhằm đơn giản hoá trình tự, thủ tục quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia theo hướng chủ đầu tư sau khi hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước thì trực tiếp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, không phải gửi lại Hội đồng thẩm định nhà nước.

Quy định này giúp đơn giản hóa, đẩy nhanh tiến độ, rút ngắn thời gian thẩm định, cụ thể như đã trình bày ở trên.

*c) Về đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư công*

- Về phân cấp thẩm quyền của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội trong việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (các điều 71, 82, 84).

+ Sửa đổi Điều 71 theo hướng bỏ thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch hằng năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời bổ sung thẩm quyền cho Thủ tướng Chính phủ.

+ Sửa đổi Điều 82 theo hướng bỏ nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm giữa các bộ, cơ quan, địa phương.

+ Sửa đổi Điều 84 theo hướng bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ trong điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm giữa các bộ, cơ quan, địa phương.

Quy định phân cấp thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách trung ương từ Uỷ ban Thường vụ Quốc hội cho Thủ tướng Chính phủ, cắt giảm trình tự, thủ tục, giảm thời gian thực hiện để nhanh chóng bổ sung nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ, dự án phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch hằng năm.

- Về phân cấp thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong: (i) Quyết định chủ trương đầu tư dự án; (ii) Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn; (iii) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn (các điều 18, 59, 71).

+ Sửa đổi Điều 18 theo hướng phân cấp toàn bộ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án của Thủ tướng Chính phủ cho các bộ, cơ quan trung ương (dự án đầu tư công có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên, dự án sản xuất chất nổ, chất độc hại).

+ Sửa đổi, bổ sung tại Điều 59 theo hướng Thủ tướng Chính phủ giao (i) Mục tiêu; (ii) Tổng số vốn NSTW; (iii) Danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ quyết định giao của Thủ tướng Chính phủ để giao chi tiết kế hoạch vốn ngân sách trung ương cho từng dự án cụ thể.

+ Sửa đổi Điều 71 theo hướng: (i) Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong trường hợp thay đổi về mục tiêu, tổng số vốn NSTW hoặc danh mục dự án; cắt giảm, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm từ Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có tiến độ thực hiện và giải ngân chậm để bổ sung vốn cho các dự án của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có tiến độ thực hiện và giải ngân tích cực (ii) Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tự điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW của mình, bảo đảm không làm thay đổi về mục tiêu, tổng số vốn NSTW hoặc danh mục dự án;

Các quy định này giúp tăng sự linh hoạt, chủ động của Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong triển khai kế hoạch vốn được giao, sẵn sàng nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để triển khai ngay các dự án mới. Nội dung này đặc biệt có ý nghĩa trong trường hợp phát sinh yêu cầu triển khai ngay các dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để kịp thời nắm bắt thời cơ tạo động lực cho tăng trưởng.

*d) Về tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành dự án*

- Về quy định chế tài và xử lý trách nhiệm của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, chủ đầu tư, Ban quản lý dự án (các điều 14, 87, 89)

+ Bổ sung tại Điều 14 về nội dung quản lý nhà nước về đầu tư công quy định việc kiểm điểm, kỷ luật, điều chuyển cán bộ theo quy định của Chính phủ.

+ Bổ sung tại các điều 87 và 89 về trách nhiệm của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong việc xem xét kiểm điểm, kỷ luật, điều chuyển cán bộ của đơn vị chủ đầu tư, Ban quản lý dự án trực thuộc trong trường hợp thực hiện dự án chậm trễ, không bảo đảm tiến độ theo quy định của Chính phủ.

- Về thời gian thực hiện dự án (Điều 57)

Sửa đổi Điều 57 về thời gian bố trí vốn thực hiện dự án, theo đó dự án nhóm C có thời gian bố trí vốn 02 năm, dự án nhóm B có thời gian bố trí vốn 03 năm, dự án nhóm A có thời gian bố trí vốn 05 năm kể từ khi khởi công. Đẩy nhanh tiến độ, rút ngắn thời gian thực hiện dự án ngắn là yêu cầu bắt buộc để triển khai các dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo để bảo đảm hiệu quả khi đưa vào khai thác, sử dụng.

Việc bổ sung chế tài để tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành dự án. Đây là yêu cầu bắt buộc để triển khai các dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo để bảo đảm hiệu quả khi đưa vào khai thác, sử dụng.

***2.7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Điều 7 dự thảo Luật)***

Sửa đổi các quy định về việc áp dụng pháp luật giữa Luật Quản lý, sử dụng tài sản công với các văn bản quy phạm pháp luật khác nhằm đảm bảo phù hợp với tinh thần của Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/11/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội theo hướng (i) Bổ sung nội dung quy định việc quản lý, sử dụng tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ; (ii) Sửa đổi theo hướng bãi bỏ quy định về quản lý, sử dụng tài sản công được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; bãi bỏ một số cụm từ liên quan đến tài sản khoa học công nghệ để đảm bảo phù hợp với định hướng sửa nguyên tắc áp dụng pháp luật.

*Nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:*

- Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1): Bổ sung nội dung sau vào cuối khoản 2 Điều 1 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công: “Việc quản lý, sử dụng tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ.”

- Tại khoản 10 Điều 3 bỏ cụm từ: “nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn ngân sách nhà nước”.

- Tại tiết c khoản 2 Điều 15 bỏ cụm từ: “và tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước”.

- Bãi bỏ Điều 105 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

**VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN**

**1. Về nhân lực**

Các chính sách nêu trên khi Luật được thông qua và ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh có trách nhiệm thực thi, không phát sinh thêm bộ máy trong tổ chức thi hành Luật, không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

**2. Về kinh phí**

*2.1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Luật*

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;

- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

*2.2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật*

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật sửa nhiều luật.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Luật và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Luật.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật sau khi được Quốc hội thông qua.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

**VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)**

Trên đây là Tờ trình về Dự án Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(*Tài liệu trình kèm: Tờ trình dự án Luật, Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều củ Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Bảng so sánh*).

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Các đ/c Lãnh đạo Bộ (để b/c);  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp (để thẩm định);  - Lưu: VT, PC (03b). | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Văn Thắng** |

1. Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến về nội dung này. [↑](#footnote-ref-3)